

Đền TRẦN QUỐC NGHIÊN và chùa LONG TIÊN ở Quảng Ninh

NGỌC HÀ*



Tượng trong kho chùa Long Tiên, Hạ Long- Ảnh: N.H

Quảng Ninh, vùng đất địa đầu Tổ quốc, không chỉ nổi tiếng bởi đã in dấu những chiến công vang dội trong lịch sử giữ nước của dân tộc, mà còn là điểm đến hấp dẫn, với hàng trăm di tích, danh thắng tiêu biểu. Đặc biệt, hệ thống các di tích như chùa Long Tiên, đền Trần Quốc Nghiễn... nằm bên bờ Vịnh Hạ Long - di sản thiên nhiên thế giới hàng năm vẫn thu hút nhiều vạn khách hành hương, những di tích này thực sự là những công trình kiến trúc

văn hoá đặc sắc, đáp ứng đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người dân nơi đây.

Chùa Long Tiên, đền Trần Quốc Nghiễn hoà cùng núi Bài Thơ là một cụm di tích đã được Bộ Văn hoá-Thông tin xếp hạng di tích danh thắng cấp Quốc gia vào năm 1992. Đây là những điểm sinh hoạt tín ngưỡng không chỉ của người dân Quảng Ninh mà còn của khách hành hương thập phương. Vậy do đâu mà các đền, chùa này có sức thu hút đến như vậy?

* BAN QUẢN LÝ VỊNH HẠ LONG

Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên

Mông - trang sử vàng rực rỡ do triều Trần viết nên đã để lại nhiều tên tuổi gắn bó với miền đất này như Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Nghiễn, Trần Khánh Dư... Họ đã đi vào tâm thức và niềm tin của người dân, để rồi được dựng đền thờ, trở thành những vị thần phù trì cho đất nước và mang lại bình an cho muôn dân, đến Trần Quốc Nghiễn là một ví dụ. Trần Quốc Nghiễn là con trai cả của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, ông là một tướng giỏi có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba và đã gắn bó cả cuộc đời với vùng đất, biển Quảng Ninh xưa. Khi qua đời, ông được triều đình ban thần hiệu Đông Hải Đại Vương và dân trong vùng đã lập đền thờ Trần Quốc Nghiễn (đến nay vẫn chưa xác định rõ vào thời gian nào). Theo sách "Trần triều hiển thánh chính kinh tập biên" thì sau khi hoá, Trần Quốc Nghiễn nhiều lần hiển ứng cứu giúp dân lương thiện, đặc biệt đối với ngư dân Hạ Long. Đây là ngôi đền lớn nằm ở sườn phía Tây núi Bài Thơ với tên chữ là Phúc Linh Từ. Đền có kiến trúc kiểu tiền nhất hậu đình gồm hai bái đường đều ba gian và một gian hậu cung được xây cất trên nền đất cao. Trước cửa đền là cây đa cổ thụ đã nhiều trăm tuổi, dưới gốc đa còn tấm bia đề: "Trần triều Hưng Vũ Vương Đông Hải Đại Vương chứng giám". Thời gian, chiến tranh và những biến cố lịch sử đã làm cho đền có đôi chút thay đổi, nhưng về cổ kính, uy nghiêm thì vẫn như xưa, đặc biệt các lễ hội hàng năm vẫn được tổ chức khá đều đặn. Về lễ hội của đền, chúng tôi thấy có một số điểm rất đáng quan tâm.

Thứ nhất, qua điều tra hồi cố, cho thấy, đền thờ và lễ hội Trần Quốc Nghiễn thể hiện sự đan xen giữa đền thờ nhà Thánh và điện Mẫu, giữa cái chung và cái riêng ít có sự phân định. Trong một năm, ngoài những ngày lễ thông thường là Rằm, mồng Một còn có các ngày lễ chính như lễ Nguyên Đán, lễ 8/3 (âm lịch) gắn với Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Giày... (vì vậy, vị thần được thờ ở đây có thể là Mẫu Liễu Hạnh). Lễ ngày 24/3 âm lịch là ngày hoá của Đức Thánh Trần Quốc Nghiễn, trong đó chúng tôi nhận thấy ngày này có liên quan tới hiện tượng cư dân trong đồng tiến ra khai thác vùng ven biển. Trong lịch sử, thời Lê sơ (thế kỷ XV) có hiện tượng di dân từ đồng bằng ra các hải đảo dưới sự hỗ trợ của triều đình. Mặt khác, ngày này

còn như liên quan tới Tết cầu mưa của cư dân nông nghiệp (một lễ hội chung của cư dân Đông Nam Á như lễ hội Gióng ở Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội, lễ hội Chuối Chơ Năm Thơ May của người Khơ Me, lễ hội Té nước của Lào...). Ngoài lễ hội này, người ta cũng quan tâm tới lễ hội Phật Đản, tết 5/5 (âm lịch) và cả lễ hội Vu Lan (lễ xá tội vong nhân, cầu siêu sinh cho các kiếp đời đã qua). Và, một lễ hội lớn khác được đồng nhất với ngày giỗ Trần Hưng Đạo, đó là ngày 20/8 âm lịch theo tinh thần "Tháng 8 giỗ cha, tháng 3 giỗ mẹ". Người Việt vốn dĩ là nông dân, cư dân nông nghiệp lấy Trời là Cha, Đất là Mẹ. Trời - Đất - Âm - Dương có giao hoà thì cây cỏ, muôn loài mới phát sinh, phát triển được. Mối quan hệ đối đãi ấy nhiều khi đồng nhất không chỉ với không gian mà còn với cả thời gian. Do vậy, Mẹ là âm, giỗ vào ba tháng đầu năm mang tính dương là hợp, Cha là dương, giỗ vào tháng 8 mang yếu tố âm là hợp. Và, trong tư duy của người nông dân Việt, bằng vào liên tưởng thì mối quan hệ với nhà Thánh đã đồng nhất với những ước vọng truyền đời, hay thông qua đó, con người muốn nhắn gửi tới thần linh rằng: Hỡi các thần tối thượng! Hãy theo gợi ý của chúng tôi đây mà ban cho chúng tôi những nguồn của cải vô lượng vô biên, cho hạnh phúc tràn về thế gian đau khổ! Vì thế, lễ hội ở đền Trần Quốc Nghiễn đã thu hút được sự quan tâm của người dân trong vùng và khách hành hương thập phương. Một ngày lễ hội lớn được tổ chức trong năm là ngày 24/3 âm lịch. Mở đầu lễ hội là lễ tế Thánh tại đền Đức Ông, rước kiệu đi về phía bến phà Cửa Lục, qua đền Vụng Đàng và cuối cùng dừng lại ở chùa Long Tiên để làm lễ tế Đức Thánh Trần. Đây là cuộc rước lớn, với sự tham gia của đông đảo người dân và khách hành hương.

Thứ hai, rất đáng quan tâm là hiện tượng xiên Linh. So sánh với xiên Linh tạ (loại Linh lớn) ở Nam Định, Thái Bình và xiên Linh ở đền Cửa Ông - Quảng Ninh thì xiên Linh của đền Trần Quốc Nghiễn chỉ mang hình thức tượng trưng, đơn giản, không gây khiếp sợ bao nhiêu, mà chỉ muốn nói lên uy lực của nhà Thánh. Cây Linh ở đây ngắn, chỉ khoảng vài ba chục phân, được đưa vào từ miệng rồi xiên qua má, đầu Linh cắm quả cau, người xiên Linh tự đỡ lấy cây Linh của mình. Không rõ hiện tượng xiên Linh đã nảy sinh ở đất Việt từ bao giờ, nhưng thường

hay gắn với hệ thống “thanh đồng” liên quan đến người “Cha thiêng liêng” (có thể là Đức Thánh Trần Hưng Đạo, các tướng lĩnh nhà Trần hoặc Lý Nam Đế ở phủ Vân Các...). Thực ra, xiên Linh không phải là một hiện tượng riêng của người Việt để nói lên sự hiện hữu của thánh nhân qua một con người cụ thể khi “thăng” (xuất thân), mà hiện tượng này còn có ở Ấn Độ và một số nơi khác. Suy cho cùng, hiện tượng xiên Linh đã mang cả yếu tố xuất thân và nhập thân nên thoảng như đã có bóng dáng của Shaman giáo mà trước đây còn phổ biến ở những nơi như vùng đồng cỏ Trung Á và nay ít nhiều còn thấy ở vùng Sibéria (nước Cộng hoà Yakut).

Thứ ba, đền Trần Quốc Nghiễn có sự gắn bó chặt chẽ với dân đi biển, đặc biệt là dân chài Hạ Long. Hầu hết các đền, chùa lớn ở Quảng Ninh như đền Cửa Ông, chùa Long Tiên, đền Trần Quốc Nghiễn... đều tọa lạc dưới chân các ngọn núi giáp biển. Dân chài Hạ Long xưa kia không có nhà, họ sống trên thuyền, nay đây mai đó, gửi trọn niềm tin vào sự phù trợ của các vị thánh thần. Họ tham gia xây dựng hoặc tu bổ các đình, đền, chùa không chỉ ở trên đất liền mà còn ở ngoài biển để các ngày tết, lễ trong tháng trong năm đều thành tâm thờ cúng. Tấm bia trong đền Trần Quốc Nghiễn dựng vào năm Quý Sửu (1913), năm trùng tu đền, ghi rõ: “... các bạn thuyền cùng đồng tâm, hiệp lực xây lại ngôi đền cổ để việc phụng thờ Thần được lâu dài”.

Tượng thờ Đức Thánh Trần Quốc Nghiễn cũng có nét riêng. Cụ thể sát bên hông tượng ngài có chiếc kiếm đã bỏ khỏi bao, trong thế sẵn sàng chém xuống nước. Bằng vào sự “đồng quy văn hoá”, chúng ta biết rằng, nhiều cư dân trên thế giới (không qua giao lưu) đã coi kiếm như biểu tượng của sấm chớp. Kiếm chém xuống nước là một hình thức chém thủy quái dâng nước làm ngập lụt. Ở trường hợp của Thánh Trần Quốc Nghiễn cho thấy, Ngài như một vị thần luôn giữ sự bình an may mắn cho những con thuyền ra khơi. Vì thế, Ngài như vị thần hộ mệnh của dân chài, là ngọn đèn hạnh phúc chiếu rọi tâm hồn ngư dân.

Để thể hiện lòng kính trọng Ngài và ước vọng cầu no đủ bằng những vụ cá bội thu, trong lễ hội này, người dân còn tổ chức thi bơi chải (đua thuyền) - một trong những phần thi quan trọng

và sôi động nhất của lễ hội. Loại thuyền đua chính là các thuyền nan hoặc gỗ vắn dùng trong đánh bắt cá hàng ngày, chủ yếu là thuyền gỗ (tam vách) truyền thống. Cách thức bơi chải ở đây khác với vùng hạ bạn (cửa sông) hay ở đồng bằng, nó cũng khác với hình thức đua thuyền thúng ở miền Trung hay đua Ghe Ngo của người Nam Bộ. Nhưng, có lẽ nó cũng đã xuất phát từ một sinh hoạt văn hóa chung của hệ tộc Bách Việt, ít nhất là với hệ thống Đán. Theo như giáo sư Từ Chi và tiến sĩ Nguyễn Duy Thiệu thì, suốt từ sông Dương Tử, theo ven biển đi về phía Nam, đến các vùng hải đảo của Thái Bình Dương, nơi có vết chân của những người thuộc hệ Mã Lai Đa Đảo thì thường có hiện tượng đua thuyền, phải chăng đó là mẫu số chung mà chúng ta đang cần tìm. Và, lễ hội đua thuyền ở nơi đây có lẽ đã mang một bóng dáng mờ nhạt của quá khứ xa xôi, trong đó như cũng đọng cả tiếng “thầm thì” của lịch sử về trận quyết chiến, quyết thắng bằng thủy quân của nhà Trần với quân Nguyên Mông.

Đền Trần Quốc Nghiễn có một vị trí rất quan trọng trong hệ thống các di tích lịch sử văn hoá ở Quảng Ninh, đền đã qua vài lần trùng tu nhưng vẫn giữ được nét cổ kính truyền thống. Tuy nhiên, cách sắp xếp tượng và bài trí đồ thờ trong đền chưa thật hợp lý.

Một là, ban thờ Trần Quốc Nghiễn hiện có 5 tượng gồm một tượng Trần Quốc Nghiễn và 4 tượng khác lại là thị giả của Đức Thánh Trần Hưng Đạo, nên chăng, đưa các tượng phụ vào một hệ thống ban thờ khác có liên quan gồm: Tượng Đức Thánh Trần ở trong cùng và 4 thị giả ở hai bên, phía ngoài đặt ban thờ chính là ban thờ Trần Quốc Nghiễn..

Hai là, tại di tích này chỉ nên để một bộ kích và một bộ bát bửu phân đôi, (hiện có tới hai bộ chấp kích và bộ bát bửu không đầy đủ).

Ba là, nên chuyển đỉnh đồng ở tiền bái về đặt ở toà thiêu hương hoặc ở toà này nên đặt một ban thờ lớn sát cửa để lễ vọng, ở toà tiền bái nên bỏ long đình đang đặt trên bàn thờ chính ra khỏi vị trí này.

Bốn là, về điện Mẫu. Tuy rằng, trước đây cũng có tượng Phật nhưng thực sự thờ Mẫu là chính, vì vậy trên cùng phải là bộ Tam Toà Thánh Mẫu cùng hai thị giả, đến hàng thứ hai là Mẫu thủ điện, tạm có thể đặt ở ngoài cùng là bộ tượng Cửu Long, Thích Ca sơ sinh. Phía bên

phải điện Mẫu nên đặt ban thờ Tứ Phủ châu Bà và bên trái là Ngũ Vị Tôn Ông. Trên ban thờ chính đằng sau tượng Thích Ca sơ sinh có thể đặt tượng của các ông Hoàng Ba, Hoàng Bảy, Hoàng Mười.

Cùng tọa lạc, dưới chân núi Bài Thơ, là chùa Long Tiên, ngôi chùa lớn nhất của thành phố Hạ Long. Kiến trúc chùa Long Tiên hiện nay được dựng vào đầu thế kỷ XX. Trước khi xây chùa dưới chân núi Bài Thơ đã có am Thiên Thạch Động hay am Thiên Long Tiên, bên phải là hang Chín Cô, bên trái là đền thờ Trần triều. Chùa Long Tiên hiện thờ Phật, các danh tướng nhà Trần và cả điện Mẫu dân gian.

Ngay trên lối vào chùa, mở đầu là một bức bình phong lớn (bình phong thường hiếm có ở chùa). Ở mặt ngoài dễ nhận thấy những yếu tố nhà Phật với bánh xe pháp luân đã được cải tiến, trên đỉnh có đài sen dạng nhìn nghiêng và chính tâm là bông cúc mãn khai, có thể nhìn thấy ở hai bông hoa này về một biểu hiện của âm dương đối đãi. Hai bên bánh xe được tạo hình hồ sen dưới dạng hoa, lá, nụ... người ta cố tình tạo nên nét tự nhiên, song yếu tố Phật đạo vẫn được thể hiện, cụ thể là bông sen mãn khai với đài ở chính giữa biểu tượng cho thế giới niết bàn, những đường gân trên lá sen chính tượng trưng cho 84.000 pháp môn hội về một cộng đồng, là dòng giải thoát. Tam quan chùa Long Tiên có nét riêng so với các chùa khác: Phía trên đỉnh là tượng Phật A Di Đà tọa thiền trên đài sen; tầng hai có đặt chuông, dưới cùng là bức hoành phi đắp theo kiểu cuốn thư với ba chữ nổi khảm sành sứ: "Long Tiên Tự". Các cửa bên cũng theo lối chia ba tầng như vậy. Với kết cấu này khiến tam quan mang dáng dấp của một nghi môn nhiều hơn. Tuy nhiên, việc chia ba tầng như trên đã nói lên một đặc tính của ngôi chùa này là đã chú ý đến Tịnh Độ Tông, gắn với "Tam Phẩm Vãng Xanh" của thế giới Tây Phương cực lạc, nơi A Di Đà Phật đứng chủ. Qua cả hình thức lẫn cách trang trí cho thấy, yếu tố Thần và Phật của chùa đã có sự đan xen lẫn nhau mà không phân định như ở nhiều ngôi chùa khác.

Chùa chính được dựng theo kiểu 5 gian hai chái, kết cấu hai tầng tám mái có các đầu đao vút cong mềm mại, được lợp theo kiểu ngói âm dương, loại ngói phổ biến trong những kiến trúc ở vùng Quảng Ninh. Nhìn bề ngoài toà nhà này

ít nhiều vẫn theo phong cách chung của người Việt, mở đầu hai bên bờ nóc là đôi rồng (chỉ có đầu và tóc cùng vân xoắn), đó là một dạng thủy quái Makara trong ý thức cầu nguồn nước. Dễ nhận thấy mặt rồng tương đối hung dữ, mỗi con đều có 5 dải tóc bay ra phía sau, mỗi dải tóc được đồng nhất với sấm chớp và 5 dải như nói lên mưa nhuần muôn cõi, tức tràn về 5 phương: Đông, tây, nam, bắc và trung phương. Nổi giữa tầng trên và tầng dưới là phần cổ diêm được đắp nổi các bức tranh thể hiện cảnh thầy trò Đường Tăng đi lấy kinh và nhiều cảnh khác liên quan đến nhà Phật. Những hình đắp này có vẻ đẹp hồn nhiên đột ngột, rất dân gian và gây bất ngờ.

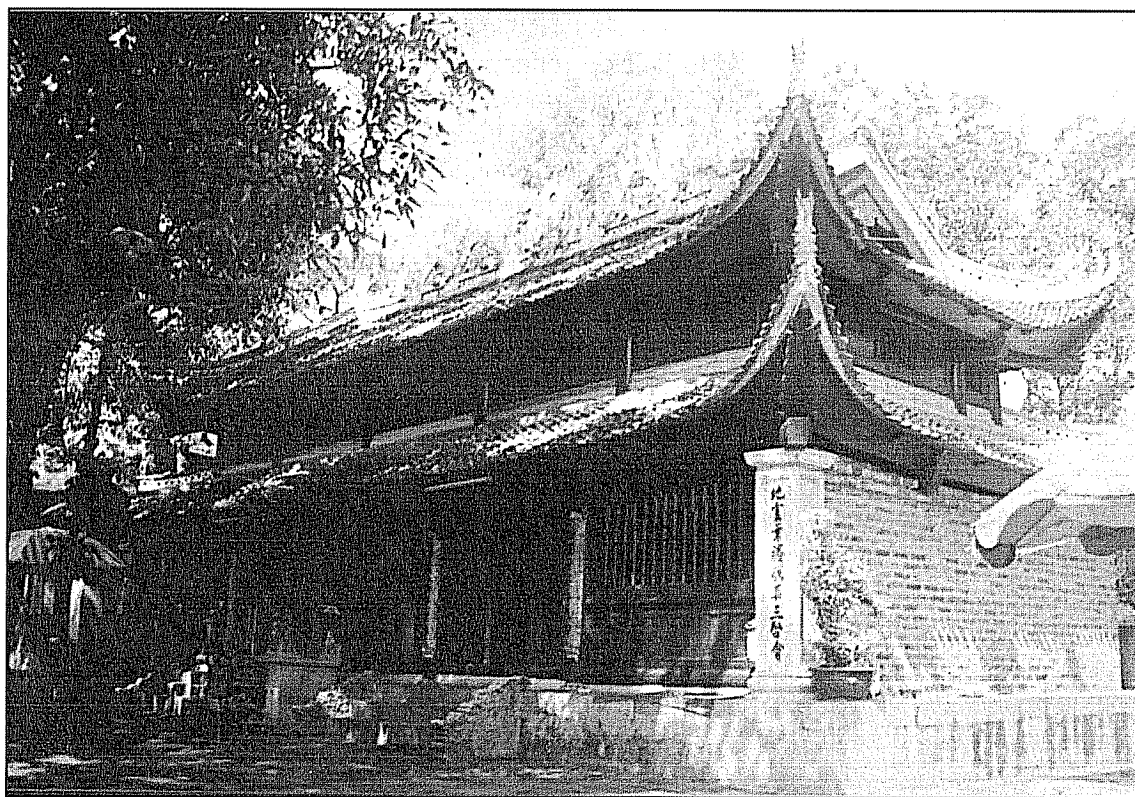
Cửa dẫn vào ba gian chính được làm bằng gỗ, ở giữa là 4 cánh cửa bức bàn bung kín, hai bên theo kiểu thượng song hạ bản, đáng quan tâm là các mắt cửa được thể hiện dưới dạng núm tròn có nhụy. Đây là sản phẩm muôn (thế kỷ XX) nhưng vẫn giữ được tinh thần cổ truyền, bởi những mắt cửa đó không đơn thuần chỉ có ý nghĩa về kiến trúc mà nó là lời chúc phúc cho con người khi bước vào cửa chùa. Theo nhiều nhà nghiên cứu, bản thân chiếc núm cửa ấy vốn dĩ là bầu sữa mẹ được thiêng hoá thành hoa cúc, nói cách khác là bầu sữa mẹ được nghệ thuật hoá.

Bố cục thờ tự bên trong phân bố ba gian chính ở giữa là cung Phật, cung Thánh Mẫu ở bên phải và bên trái là cung Trần triều, được ngăn cách bằng tường xây, nhưng không gian tiền đường (chùa), tiền bái (Mẫu) và Thánh Trần đã thông nhau. Cung Trần triều có tượng thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo và các tướng lĩnh nhà Trần như Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu..., nơi đó có đôi câu đối:

"Đông A nhất đại trùng hưng tướng
Nam quốc thiên thu thượng đẳng thần"

Như vậy, trong cung Trần triều ở chùa Long Tiên đã hội tụ được những gương mặt tiêu biểu, góp phần làm rạng rỡ một thời đại oanh liệt, mà hào khí Đông A đã trở thành biểu tượng vinh quang cho một dân tộc anh hùng.

Ban thờ Phật được xây giật cấp, cao dần về phía trong nằm cả trong ba toà nhà song song nối với nhau bằng các máng nước, khiến nó trở thành hệ thống kiến trúc "trùng thiềm điệp ốc". Những mảng chạm trở ở toà ngoài rất ít, chỉ thể hiện ở một vài đầu kẻ, toà nhà ít nhiều vẫn giữ



Chùa Cửa Ông, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh - Ảnh: N.H

được theo lối cổ truyền với kết cấu kiểu giá chiêng và cột chống rường đơn giản, chạm trổ các hoa văn vân xoắn và lá cách điệu. Chính ở đây, người ta làm những cuộc thông linh để cầu mưa, cầu tạnh liên quan đến uy lực của thế giới tự nhiên, khiến ta như nghe thấy đầu đó tiếng âm ì của sấm chớp gọi mưa. Vào gian thứ ba, có một bàn thờ Phật đặt ở giữa, hai bên tường là Bát Bộ Kim Cương trong trang phục áo thụng với các màu sắc rất dân gian, và có thể nhìn thấy ở đây những yếu tố Việt-Hoa phối hợp khá phù hợp. Trên bàn thờ chính, phía trên cùng là bộ Tam Thế Phật, bộ tượng thứ hai là A Di Đà và hai thị giả là Ca Diếp và A Nan Đà (bộ tượng này bày chưa đúng, vì Ca Diếp và Nan Đà là đồ đệ thứ nhất và thứ hai của Thích Ca Mâu Ni, không khi nào làm thị giả cho A Di Đà. Vì vậy, theo chúng tôi, nên sắp xếp lại vị trí các tượng cho hợp lý hơn). Ở hàng thứ ba là một ban thờ khác, có tượng Quan Âm Chuẩn Đề. Tượng này là sản phẩm rất muộn, đôi tay giữa của Quán Âm kết ấn chuẩn đề, các tay phụ chủ yếu kết

ấn gia trì bốn tôn, ấn vô úy và ấn chuyển pháp luân, hai bên là tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ. Thực ra Kim Đồng, Ngọc Nữ ít khi kết ấn của nhà Phật, nhưng trường hợp này cũng kết ấn gia trì bốn tôn, đó là một trong những nét riêng của chùa. Ở hàng thứ tư, hiện nay là tượng Ngọc Hoàng cầm hốt uy quyền hai bên có Nam Tào, Bắc Đẩu phụ trợ. Bộ tượng này mang mục đích giáo hoá chúng sinh, tránh ác làm thiện. Trước mặt của Ngọc Hoàng thượng đế là tượng Thích Ca sơ sinh. Pho tượng này được làm bằng thạch cao hoặc xi măng và là 1 sản phẩm ra đời rất muộn. Tuy nhiên, có lẽ không nên đưa những tượng bằng xi măng lên bàn thờ chính vì người Việt luôn luôn chú ý đến chất thiêng của tượng, một là bằng gỗ Mít vì Mít là Paramita tức là Ba la mật đa, là đại trí tuệ, đại giác ngộ; hoặc chất liệu bằng đồng, đất, đá vốn mang tính linh thiêng, còn thạch cao, xi măng không có chất linh. Đáng lưu ý ở phía bên phải có 1 bộ tam thế nhỏ, đạt được trình độ cao về nghệ thuật tạc tượng, đẹp hơn nhiều so với các

bộ tượng chính. Hai bên tường, đối diện nhau là hai ban thờ chính của Thập Điện Diêm Vương. Các tượng này được làm bằng đất luyện, đầu đội mũ Bình Thiên, tay cầm hốt với các dạng phục trang khác nhau, vừa truyền thống vừa có ảnh hưởng của phương Bắc. Ở toà trong còn xây hai am thờ, một bên là Đức Ông và một bên là Thánh Tăng. Đây là hai pho tượng khá đẹp của ngôi chùa này.

Đến toà hậu cung điện Mẫu và Thánh Trần, thật bất ngờ vì ở đây hiện được sử dụng làm nơi tập trung tượng của nhiều đền, chùa hội về. Thực sự đó là một kho báu có giá trị nghệ thuật cao với rất nhiều tượng mang niên đại nối nhau khoảng trên hai trăm năm trở lại đây, nhiều tượng vừa có hồn vừa có một vẻ đẹp khá chuẩn mực, nổi dòng truyền thống của dân tộc ta. Các tượng này cần phải được đưa ra đặt ở những vị trí xứng đáng trong chùa hoặc trả về nơi xuất phát ban đầu để quần chúng được chiêm ngưỡng, các tín đồ nếu được tiếp cận sẽ thấy được uy linh của các thần, vì tượng gây được sự đồng cảm đồng tâm và xúc động lớn. Đây là một di sản văn hoá góp phần khẳng định giá trị văn hoá đặc sắc của chùa Long Tiên nói riêng và hệ thống các di tích lịch sử của Quảng Ninh nói chung.

Tại điện Mẫu: Phía ngoài chỉ có bộ Tam toà Thánh Mẫu được đặt trong khám còn tượng Cô và Cậu được đặt trong hai khám bên là một long đình và một khám mui luyện, đây cũng là những tượng rất đẹp của nghệ thuật xưa. Ở phía trước điện Mẫu, nay đặt tượng Tổ với ba vị gồm Bồ Đề Đạt Ma ngồi ở chính giữa, hai bên có hai vị tổ khác. Đặc điểm của các vị này là khuôn mặt mang nhiều nét chân dung, có lẽ gần gũi với các nhà sư đã từng tu ở đây, đáng lưu ý là các vị đều hở vai hữu. Hiện tượng này liên quan đến một tích truyện về đức Phật: Khi đức Phật thành đạo, trước đó nhóm Mục Kiền

Liên đã bỏ đức Phật mà theo hướng khác, nhưng khi nghe Phật giảng đạo đã quay lại và trật vai hữu để biểu hiện sự kính trọng Phật và lòng trung thành của mình. Còn các vị Phật mà trật vai hữu ra là biểu hiện sự tôn trọng Pháp, trong trường hợp này là vừa tôn trọng Pháp vừa tôn trọng Phật, ít nhiều có ảnh hưởng từ Ấn Độ.

Có thể nói, chùa Long Tiên mang tinh thần chung của hệ thống các ngôi chùa Việt-Nam, nhưng lại có những nét riêng, độc đáo do điều kiện về địa lý, lịch sử tạo nên. Chùa mang hai yếu tố cơ bản là tính Đạo và Phật, Đạo gắn với tín ngưỡng dân gian, ngoài ra chùa lấy tên là Long Tiên cũng như gắn với Đạo nhiều hơn với Phật. Mặt khác, về mặt không gian, chùa Long Tiên được toạ lạc dưới chân núi Truyền Đăng (tên gọi cũ của núi Bài Thơ), chữ Truyền Đăng có thể cũng là chữ của nhà Phật.

Quanh năm, không riêng vào các ngày rằm, tết, lễ..., chùa Long Tiên luôn tấp nập khách hành hương. Du khách về với Hạ Long thường dành thời gian thăm chùa, thấp nén nhang hướng tới Phật đài, thành kính như muốn thanh lọc tâm hồn trước cõi thiêng liêng.

Bàn về những nội dung của đền Trần Quốc Nghiễn hay chùa Long Tiên là để tìm hiểu và góp phần khẳng định thêm giá trị văn hoá của các di sản quý báu mà ông cha để lại. Hàng năm có hàng triệu lượt du khách về với thành phố Hạ Long trẻ trung, một điểm du lịch hấp dẫn, ở đó từng di tích, danh thắng đều có sức thu hút riêng. Đằng sau sự sôi động, hối hả của nhịp sống hiện đại là những khoảng không gian yên bình, là cõi tâm linh trong sáng và thiêng liêng, nơi hướng tâm con người đến chân, thiện, mỹ. Phải chăng, vì thế mà người dân nơi đây rất tự hào về quê mình và Quảng Ninh từ lâu đã trở thành một trong những điểm đến được yêu mến.

N.H

SUMMARY: By cultural ethnological method, the author improves our awareness with lots of new discoveries on tangible culture (relics) and intangible culture (festivals), make a comparison of festivals among the provinces, emphasize the relation with the nature, space, ... Especially, he has clarified the relationship between the people and the sea through spiritual behavior, regards to the artistic value and significance of religious statues...

(NGỌC HÀ)